

Bản án số: 170/2024/DS-ST
Ngày 04- 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh
Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Thông Hiểu - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 620/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-DS ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn V L; Sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: ấp C, xã Đ, thành phố C M, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan K D; sinh năm 1993;
Nơi cư trú: số A, đường Đ, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh C (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn V T; Bà Phạm T N

Cùng nơi cư trú: ấp Bình Định, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Phan K D trình bày: Vào tháng 01/2022 ông Nguyễn V L có thỏa thuận cho ông Nguyễn V T, bà Phạm T N vay số tiền 500.000.000đ với lãi suất 03%/tháng nhưng các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng công chứng ngày 19/01/2022 với nội dung ông T, bà N chuyển nhượng phần đất theo giấy chứng nhận Số H 139408 vào sổ số 09941 do Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp 10/8/1996 đã được chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn V T cùng bà Phạm T N ngày 25/6/2020 số bản đồ 08, thửa 0008; tọa lạc tại xã Tân Thành thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau với diện tích 7.738m²; giá chuyển nhượng 500.000.000đ và giao giấy chứng nhận bản chính cho ông L quản lý và

sao đó tin tưởng nguyên đơn đã đưa tiền thêm cho ông T, bà N nhiều lần tổng cộng số tiền 1.140.000.000đ nhưng không nhớ cụ thể thời gian vay tiền các lần sau. Quá trình vay tiền ông L xác định ông T, bà N có thanh toán lãi một phần, không nhớ cụ thể là bao nhiêu nhưng do ông L thỏa thuận giảm lãi cho ông T, bà N nên ngày 07/5/2023 các bên thỏa thuận lại ông L chấp nhận cho ông T, bà N gia hạn thời gian trả tiền sau 03 tháng và chỉ nhận lại số tiền vốn vay là 1.140.000.000đ, Tại đơn khởi kiện ông L yêu cầu trả số tiền vốn vay và lãi 03 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng số tiền là 56.772.000đ và phải trả lãi phát sinh đến ngày xét xử. Tuy nhiên, tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn xác định giảm lãi suất cho bị đơn chỉ yêu cầu lãi 0,83%/tháng và giảm lãi chỉ yêu cầu số tiền 94.000.000đ.

* Bị đơn – bà Phạm T N có ý kiến trình bày thừa nhận bà và ông Nguyễn V T có nợ ông Nguyễn V L số tiền 114.000.000 đồng và thừa nhận ngày 07/5/2023 bà và ông L có ký vào giấy nhận nợ để xác định số tiền vay. Hiện bà N xác định thống nhất trả nợ theo yêu cầu ông L không có ý kiến, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, bà N còn xác định thừa nhận có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng cho rằng không có nhận tiền, hiện ông L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà thống nhất không không có ý kiến.

* ***Đại diện kiểm sát phát biểu quan điểm:*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 222 đến Điều 225, 234, 237, 239, 243, 247, 249 đến 252, 260, 261, 262 và 264 Bộ luật tố tụng dân sự. ***Về nội dung giải quyết:*** Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 117 đến Điều 119, Điều 124, Điều 280, Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; ***Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.***

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc thanh toán lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; buộc bị đơn phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi tổng cộng là 1.234.000.000 đồng (trong đó: Tiền gốc là 1.140.000.000 đồng, tiền lãi là 94.000.000 đồng làm tròn, thời điểm tính lãi là ngày 08/8/2023) và khoản tiền lãi phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/01/2022 giữa ông L và ông T, bà N vô hiệu. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm thực hiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn vay là 1.140.000.000đ và lãi phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch vay của các đương sự nhiều lần với số tiền 1.140.000.000đ là có diễn ra trong thực tế đã được bà Phạm T N thừa nhận. Tại giấy nhận nợ ngày 07/5/2023 cũng thể hiện “...Từ đầu năm 2022 đến nay sau nhiều lần vay tiền hiện nay vợ chồng tôi còn nợ tiền của ông Nguyễn V L ...với tổng số tiền gốc là 1.140.000.000đ...”. Do đó đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay là 1.140.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phòng công chứng ngày 19/01/2022 với nội dung ông T, bà N chuyển nhượng phần đất theo giấy chứng nhận Số H 139408 vào sổ 09941 do Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp 10/8/1996 đã được chỉnh lý biến động sang tên ông Nguyễn V T cùng bà Phạm T N ngày 25/6/2020 với diện tích 7.738m²; giá chuyển nhượng 500.000.000đ. Mặc dù ông T vắng mặt không gửi ý kiến cho Tòa án, tuy nhiên quá trình Tòa án làm việc, bà N thì vẫn thừa nhận bà và ông T có ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhưng bà cho rằng ông T là người trực tiếp giao dịch và kêu bà ký xác nhận nên bà không hiểu rõ nội dung giao dịch. Đối với đại diện nguyên đơn xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên ký kết tại phòng công chứng ngày 19/01/2022 là giả tạo, mục đích bị đơn ký kết để cho nguyên đơn có lòng tin cho bị đơn vay tiền nhiều lần với số tiền 1.140.000.000đ nên thống nhất Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà N với ông L. Xét thấy các bên xác lập giao dịch dân sự (ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác (giao dịch vay) nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu do giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn có trách nhiệm giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn sau khi bị đơn đã thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về lãi suất: Các đương sự đều thừa nhận quá trình giao dịch vay có thỏa thuận về lãi. Hiện bị đơn không có mặt tại Tòa nên không chứng minh được đã thanh toán lãi là bao nhiêu. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn thừa nhận quá trình vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng do bị đơn khó khăn nên

nguyên đơn chỉ nhận lãi một thời gian ngắn thì ngưng, tại giấy nhận nợ ngày 07/3/2023 chỉ là vốn vay và bị đơn có thỏa thuận trong vòng 03 tháng bị đơn phải thanh toán nợ cho nguyên đơn nếu không phải trả lãi theo qui định pháp luật. Do đó hiện nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 07/6/2023 đến ngày xét xử nhưng chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0.83%/tháng với số tiền 94.000.000đ. Xét thấy sự tự nguyện của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị **đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 124, 131, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn V T, bà Phạm T N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn V L tổng số tiền là 1.234.000.000đ đồng (vốn là 1.140.000.000đ, lãi là **94.000.000đ**).

Tuyên bố hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng ngày 19/01/2022 của ông Nguyễn V L với ông Nguyễn V T, bà Phạm T N là vô hiệu. Ông Nguyễn V L có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà N sau khi thanh toán xong nợ.

Kể từ ngày ông Nguyễn V L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn V T, bà Phạm T N không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Nguyễn V T, bà Phạm T N phải nộp là 49.020.000 đồng (chưa nộp). Ông Nguyễn V L không phải nộp ngày 30/10/2023 ông đã dự nộp 23.951.000đ tại biên lai số 0000008568 được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc